

**DANH SÁCH ĐƠN VỊ BẦU CỬ VÀ SỐ ĐẠI BIỂU ĐƯỢC BẦU
Ở MỖI ĐƠN VỊ BẦU CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN NHIỆM KỲ 2004 - 2009**

Số thứ tự	Đơn vị hành chính	Đơn vị bầu cử	Số đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị
1	Huyện Sông Cầu	Đơn vị bầu cử số 01	05 đại biểu
2	Huyện Đồng Xuân	Đơn vị bầu cử số 02	03 đại biểu
3	Huyện Tuy An	Đơn vị bầu cử số 03	04 đại biểu
		Đơn vị bầu cử số 04	04 đại biểu
4	Thị xã Tuy Hòa	Đơn vị bầu cử số 05	04 đại biểu
		Đơn vị bầu cử số 06	03 đại biểu
5	Huyện Phú Hòa	Đơn vị bầu cử số 07	03 đại biểu
		Đơn vị bầu cử số 08	03 đại biểu
6	Huyện Tuy Hòa	Đơn vị bầu cử số 09	03 đại biểu
		Đơn vị bầu cử số 10	03 đại biểu
		Đơn vị bầu cử số 11	03 đại biểu
		Đơn vị bầu cử số 12	03 đại biểu
		Đơn vị bầu cử số 13	03 đại biểu
7	Huyện Sơn Hòa	Đơn vị bầu cử số 14	03 đại biểu
8	Huyện Sông Hinh	Đơn vị bầu cử số 15	03 đại biểu

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 47/2004/NĐ-CP ngày 17/02/2004 phê chuẩn số lượng, danh sách các đơn vị bầu cử và số đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai nhiệm kỳ 2004 - 2009.

CHÍNH PHỦ

Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 429/2003/NQ-UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 23 tháng 12 năm 2003 về ấn định ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2004 - 2009;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai và Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

NGHỊ ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 10 và Điều 11 của

Điều 1. Phê chuẩn số lượng 25 (hai

mười lăm) đơn vị bầu cử, 73 (bảy mươi ba) đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và số đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai nhiệm kỳ 2004 - 2009 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

Phan Văn Khải

**DANH SÁCH ĐƠN VỊ BẦU CỬ VÀ SỐ ĐẠI BIỂU ĐƯỢC BẦU
Ở MỖI ĐƠN VỊ BẦU CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI NHIỆM KỲ 2004 - 2009**

Số thứ tự	Đơn vị hành chính	Đơn vị bầu cử	Số đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị
1	Thành phố Biên Hòa	Đơn vị bầu cử số 01 Đơn vị bầu cử số 02 Đơn vị bầu cử số 03 Đơn vị bầu cử số 04 Đơn vị bầu cử số 05	03 đại biểu 03 đại biểu 03 đại biểu 03 đại biểu 02 đại biểu
2	Huyện Nhơn Trạch	Đơn vị bầu cử số 06 Đơn vị bầu cử số 07	03 đại biểu 03 đại biểu
3	Huyện Long Thành	Đơn vị bầu cử số 08 Đơn vị bầu cử số 09	03 đại biểu 03 đại biểu
4	Huyện Vĩnh Cửu	Đơn vị bầu cử số 10 Đơn vị bầu cử số 11	03 đại biểu 02 đại biểu
5	Huyện Trảng Bom	Đơn vị bầu cử số 12 Đơn vị bầu cử số 13	03 đại biểu 03 đại biểu
6	Huyện Thống Nhất	Đơn vị bầu cử số 14 Đơn vị bầu cử số 15	03 đại biểu 03 đại biểu
7	Thị xã Long Khánh	Đơn vị bầu cử số 16 Đơn vị bầu cử số 17	03 đại biểu 03 đại biểu
8	Huyện Xuân Lộc	Đơn vị bầu cử số 18 Đơn vị bầu cử số 19	03 đại biểu 03 đại biểu

Số thứ tự	Đơn vị hành chính	Đơn vị bầu cử	Số đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị
9	Huyện Cẩm Mỹ	Đơn vị bầu cử số 20	03 đại biểu
		Đơn vị bầu cử số 21	03 đại biểu
10	Huyện Định Quán	Đơn vị bầu cử số 22	03 đại biểu
		Đơn vị bầu cử số 23	03 đại biểu
11	Huyện Tân Phú	Đơn vị bầu cử số 24	03 đại biểu
		Đơn vị bầu cử số 25	03 đại biểu

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 18/2004/QĐ-TTg ngày 12/02/2004 về Danh mục bí mật nhà nước độ Tối mật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 28 tháng 12 năm 2000;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng Bộ Công an,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Danh mục bí mật nhà nước độ

Tối mật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp gồm:

1. Tin, tài liệu xác lập luận cứ khoa học do Bộ Tư pháp chuẩn bị để hoạch định đường lối, chính sách, pháp luật quan trọng của Đảng và Nhà nước chưa công bố.

2. Các dự án luật, pháp lệnh và các văn bản khác do Bộ Tư pháp chủ trì, soạn thảo có liên quan đến an ninh quốc gia, phòng thủ đất nước chưa công bố.

3. Ý kiến, văn bản chỉ đạo của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước về công tác của Bộ Tư pháp có liên quan đến an ninh quốc gia, phòng thủ đất nước chưa công bố.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 850/TTg ngày 27 tháng 12 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục bí mật nhà nước trong ngành Tư pháp và có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Công an chịu trách nhiệm kiểm tra việc thi hành Quyết định này.